

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K3 NĂM 2015

Tháng 3 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500* 10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	637	646	9	12.650	113.850	
102	8	710	721	11	12.650	139.150	
103	7	493	504	11	12.650	139.150	
104	8	429	438	9	12.650	113.850	
105	0	442	448	6	12.650	75.900	
106	7	453	457	4	12.650	50.600	
107	PSHC				12.650	0	
108					12.650	0	
109	8	562	570	8	12.650	101.200	
110	8	276	280	4	12.650	50.600	
111	6	437	446	9	12.650	113.850	
112	8	687	695	8	12.650	101.200	
113	8	452	463	11	12.650	139.150	
114	7	402	414	12	12.650	151.800	
201	8	567	577	10	12.650	126.500	
202	5	411	420	9	12.650	113.850	
203	7	1100	1118	18	12.650	227.700	
204	4	558	568	10	12.650	126.500	
205	8	710	722	12	12.650	151.800	
206	5	634	643	9	12.650	113.850	
207	7	1004	1020	16	12.650	202.400	
208	8	748			12.650	0	
209	8	915	934	19	12.650	240.350	
210	8	908	927	19	12.650	240.350	
211	8	1159	1179	20	12.650	253.000	
212	7	699	710	11	12.650	139.150	
213	7	753	765	12	12.650	151.800	
214	6	761	773	12	12.650	151.800	
301	7	682	695	13	12.650	164.450	
302	8	666	677	11	12.650	139.150	
303	0	883	899	16	12.650	202.400	
304	7	556	570	14	12.650	177.100	
305	6	569	578	9	12.650	113.850	
306	7	753	762	9	12.650	113.850	
307	PSHC				12.650	0	
308		114			12.650	0	
309	8	626	638	12	12.650	151.800	

310	8	641	656	15	12.650	189.750	
311	5	572	579	7	12.650	88.550	
312	7	578	592	14	12.650	177.100	
313	6	610	621	11	12.650	139.150	
314	7	753	766	13	12.650	164.450	
401	7	683	696	13	12.650	164.450	
402	8	588	608	20	12.650	253.000	
403	8	746	758	12	12.650	151.800	
404	7	542			12.650	0	
405	8	417	423	6	12.650	75.900	
406	8	440	451	11	12.650	139.150	
407	8	550	564	14	12.650	177.100	
408	5	591	600	9	12.650	113.850	
409	8	386	393	7	12.650	88.550	
410	8	471	478	7	12.650	88.550	
411	8	413	421	8	12.650	101.200	
412	8	382	390	8	12.650	101.200	
413	8	527	541	14	12.650	177.100	
414	8	360	367	7	12.650	88.550	
501	7	452	461	9	12.650	113.850	
502	7	317	325	8	12.650	101.200	
503	7	320	329	9	12.650	113.850	
504	8	378			12.650	0	
505	8	363	376	13	12.650	164.450	
506	8	370	385	15	12.650	189.750	
507	6	234	241	7	12.650	88.550	
508	8	200	205	5	12.650	63.250	
509	8	392	410	18	12.650	227.700	
510	8	237			12.650	0	
511	8	207	220	13	12.650	164.450	
512	8	351	355	4	12.650	50.600	
513	8	245	252	7	12.650	88.550	
514	8	392	400	8	12.650	101.200	
Cộng	469			675		8.538.750	

(Bảng chữ: Tám triệu năm trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm lăm mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP



ThS. Ngô Xuân Hoà



ThS. Lê Xuân Hưng



Trần Xuân Nam



Dương Văn Thanh



Trần Thị Hà